

Số: CT/NQ-ĐHĐCĐ

Lai Châu, ngày tháng năm 2020

DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2020 CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 7.02

Căn cứ:

- Luật doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26/11/2014 của Quốc hội Nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.
- Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần Sông Đà 7.02.

QUYẾT NGHỊ

Điều 1: Thông qua báo cáo của HĐQT về tình hình thực hiện nhiệm vụ SXKD theo Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2019, với một số chỉ tiêu chủ yếu sau:

| TT | CÁC CHỈ TIÊU | ĐVT | NĂM 2019 | | |
|-----------|--|------------------------|-------------------|-------------------|--------------|
| | | | KH | TH | Tỷ lệ % |
| A | Giá trị SXKD | 10³đ | 43.197.402 | 36.899.476 | 85,4% |
| 1 | Giá trị sản xuất điện thương mại | 10 ³ đ | 43.197.402 | 36.899.476 | |
| 2 | Giá trị ngoài xây lắp và kinh doanh khác | 10 ³ đ | 0 | 0 | |
| B | Doanh thu | 10³đ | 39.648.424 | 32.218.360 | 81,3% |
| 1 | Doanh thu bán điện | 10 ³ đ | 39.648.424 | 32.218.360 | |
| 2 | Thụ nhập khác | 10 ³ đ | | 0 | |
| C | Tổng chi phí | 10³đ | 41.402.137 | 41.116.688 | |
| C1 | Các khoản chi phí | 10³đ | 23.978.565 | 21.680.108 | |
| 1 | Chi phí nhân công vận hành | 10 ³ đ | 2.316.031 | 2.001.185 | |
| 2 | Chi phí sản xuất chung | 10 ³ đ | 7.918.280 | 5.937.868 | |
| 3 | Chi phí khấu hao TSCĐ | 10 ³ đ | 11.497.752 | 11.920.551 | |
| 4 | Chi phí quản lý doanh nghiệp | 10 ³ đ | 2.246.502 | 1.820.504 | |
| - | Chi phí tiền lương và bảo hiểm xã hội | 10 ³ đ | 1.009.090 | 1.081.531 | |
| - | Chi phí vật liệu quản lý | 10 ³ đ | 107.771 | 76.119 | |
| - | Chi phí đồ dùng văn phòng | 10 ³ đ | 43.980 | 15.735 | |



| TT | CÁC CHỈ TIÊU | ĐVT | NĂM 2019 | | |
|-----------|------------------------------------|------------------------|-------------------|-------------------|----------------|
| | | | KH | TH | Tỷ lệ % |
| - | Thuế và lệ phí | 10 ³ đ | 12.514 | 14.718 | |
| - | Chi phí dịch vụ thuê ngoài | 10 ³ đ | 218.280 | 298.098 | |
| - | Chi phí dự phòng | 10 ³ đ | 300.000 | 0 | |
| - | Chi bằng tiền khác | 10 ³ đ | 554.865 | 334.301 | |
| C2 | Chi phí lãi vay | 10³đ | 17.423,572 | 18.436.580 | |
| C3 | Chi phí tài chính khác | 10³đ | | 0 | |
| C4 | Chi phí quyền góp vốn | 10³đ | | 1.000.0000 | |
| D | Lợi nhuận trước thuế | 10³đ | -1.754.000 | -8.413.865 | |
| E | Lao động và tiền lương | | | | |
| - | Tổng số CBCNV bình quân | Người | 26 | 20 | |
| - | Tiền lương bq CBCNV/tháng/người | 10 ³ đ | 12.500 | 11.945 | 95,0% |
| F | Giá trị đầu tư | 10³đ | 4.297.668 | 27.905.426 | |
| - | Dự án thủy điện Nậm Thi 1 | 10³đ | 4.297.668 | 1.100.010 | |
| | Chi phí tư vấn, khảo sát | 10 ³ đ | 0 | 989.692 | |
| | Chi phí đền bù giải phóng mặt bằng | 10 ³ đ | 3.000.000 | | |
| | Chi phí quản lý DA | 10 ³ đ | | 78.723 | |
| | Chi phí xây dựng | 10 ³ đ | 1.297.668 | 31.594 | |
| - | Dự án thủy điện Nậm Thi 2 | 10³đ | 0 | 26.805.416 | 129,34% |
| | Chi phí tư vấn, khảo sát | 10 ³ đ | 0 | 562.272 | |
| | Chi phí quản lý dự án | 10 ³ đ | | 0 | |
| | Chi phí đền bù giải phóng mặt bằng | 10 ³ đ | | 11.000 | |
| | Chi phí xây dựng | 10 ³ đ | | 24.450.741 | |
| | Chi phí thiết bị | 10 ³ đ | | 1.781.401 | |
| | Chi phí lãi vay | 10 ³ đ | | 0 | |
| | Chi phí khác | 10 ³ đ | | 0 | |
| E | Tỷ lệ cổ tức/vốn điều lệ | 10³đ | 0 | 0 | |

540
CC
CC
SƠN
ĐỨC

Biểu quyết nhất trí thông qua với cổ phần, đạt% số cổ phần có quyền biểu quyết tại Đại hội.

Điều 2: Thông qua báo cáo tài chính năm 2019 đã được kiểm toán và phương án phân phối lợi nhuận.

- Đại hội đã nhất trí thông qua báo cáo tài chính đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH hãng kiểm toán AASC số: 230320/BCTC.KT5 ngày 23 tháng 3 năm 2020 như sau:

| | |
|---|------------------------------|
| I. Tổng tài sản tính đến 31/12/2019: | 291.350.254.736 đồng. |
| + Tài sản ngắn hạn: | 25.625.894.288 đồng. |
| + Tài sản dài hạn: | 265.724.360.448 đồng. |
| II. Tổng nguồn vốn tính đến 31/12/2019: | 291.350.254.736 đồng. |
| + Nợ phải trả: | 187.503.564.198 đồng. |
| + Vốn chủ sở hữu: | 103.846.690.538 đồng. |

Đại hội thông qua việc ủy quyền cho Hội đồng quản trị lựa chọn Công ty Kiểm toán được UBCK Nhà nước chấp thuận để thực hiện Kiểm toán báo cáo tài chính năm 2020.

Biểu quyết nhất trí thông qua với cổ phần, đạt% số cổ phần có quyền biểu quyết tại Đại hội.

Điều 3: Thông qua báo cáo phương án phân chia lợi nhuận và trích lập các quỹ năm 2019:

- Phương án phân phối lợi nhuận:

Lợi nhuận sau thuế tại thời điểm 31/12/2019 (lỗ): - 8.413.865.862 đồng

Do lợi nhuận năm 2019 lỗ vì vậy chưa có cổ tức.

Biểu quyết nhất trí thông qua với cổ phần, đạt% số cổ phần có quyền biểu quyết tại Đại hội.

Điều 4: Phê duyệt kế hoạch năm 2020 như sau:

| TT | CÁC CHỈ TIÊU | ĐVT | Kế hoạch năm 2020 |
|-----------|-------------------------------------|------------------------|-------------------|
| A | Sản lượng và doanh thu | | |
| 1 | Sản lượng điện | Kwh | 29.286.220 |
| 2 | Doanh thu tiền điện trước thuế | 10 ³ đ | 37.024.943 |
| B | Các khoản chi phí | 10³đ | 41.648.682 |
| I | Các khoản chi phí trực tiếp | 10³đ | 22.044.063 |
| 1 | Chi phí nhân công vận hành | 10 ³ đ | 2.277.364 |
| 2 | Chi phí sản xuất chung | 10 ³ đ | 19.766.699 |
| | Trong đó: Chi phí khấu hao TSCĐ | 10 ³ đ | 12.147.607 |
| II | Chi phí quản lý doanh nghiệp | 10³đ | 3.321.311 |

023
ĐNG
ĐPH
GD
ĐNG

| TT | CÁC CHỈ TIÊU | ĐVT | Kế hoạch năm 2020 |
|------------|------------------------------------|------------------------|--------------------|
| | + Chi phí quản lý doanh nghiệp | 10 ³ đ | 2.321.311 |
| | + Phân bổ lợi thế thương mại | 10 ³ đ | 1.000.000 |
| III | Chi phí lãi vay | 10³đ | 16.283.308 |
| D | Lợi nhuận trước thuế | 10³đ | - 4.623.740 |
| E | Lao động và tiền lương | | |
| - | Tổng số CBCNV bình quân | Người | 17 |
| - | Tiền lương bq CBCNV/tháng/người | 10 ³ đ | 12.500 |
| F | Kế hoạch đầu tư | 10³đ | 4.297.668 |
| I | Dự án thủy điện Nậm Thi 1 | 10³đ | 4.297.668 |
| 1 | Chi phí tư vấn, khảo sát | 10 ³ đ | |
| 2 | Chi phí đền bù giải phóng mặt bằng | 10 ³ đ | 3.000.000 |
| 3 | Chi phí xây dựng | 10 ³ đ | 1.297.668 |

Biểu quyết nhất trí thông qua với cổ phần, đạt% số cổ phần có quyền biểu quyết tại Đại hội.

Điều 5: Thông qua mức chi trả thù lao HĐQT, BKS và thư ký năm 2019, phương án chi trả thù lao của HĐQT, BKS và thư ký năm 2020:

1/ Việc chi trả tiền thù lao Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, thư ký HĐQT công ty năm 2019 dự kiến là:

| TT | Tiền lương, thù lao khoán trong năm | Số người | Thành tiền (VNĐ) |
|----|-------------------------------------|----------|--------------------|
| 1 | Chủ tịch Hội đồng quản trị | 01 | 24.000.000 |
| 2 | Thành viên HĐQT | 02 | 36.000.000 |
| 3 | Trưởng Ban kiểm soát | 01 | 18.000.000 |
| 4 | Thành viên Ban kiểm soát | 02 | 24.000.000 |
| 5 | Thư ký | 01 | 12.000.000 |
| | Tổng cộng: | | 114.000.000 |

2/ Phương án chi trả thù lao HĐQT, Ban kiểm soát, thư ký HĐQT Công ty năm 2020.

Năm 2020 Công ty tiếp tục triển khai đầu tư xây dựng dự án nhà máy thủy điện Nậm Thi 1 và quản lý vận hành phát điện nhà máy Nậm Thi 2, dựa trên chỉ tiêu hoàn thành kế

hoạch tiến độ của dự án xây dựng phương án chi trả thù lao kiêm nhiệm của HĐQT, BKS như sau:

a) Hoàn thành đúng tiến độ và các chỉ tiêu kế hoạch của dự án:

- Mức thù lao đối với Chủ tịch HĐQT kiêm nhiệm là: 3.000.000đ/người/tháng
- Mức thù lao đối với Thành viên HĐQT, Trưởng BKS là : 2.000.000đ/người/tháng
- Mức thù lao đối với Thành viên BKS, thư ký HĐQT là: 1.500.000đ/người/tháng

b) Hoàn thành 80% tiến độ và các chỉ tiêu kế hoạch của dự án:

- Mức thù lao đối với Chủ tịch HĐQT kiêm nhiệm là: 2.000.000đ/người/tháng
- Mức thù lao đối với Thành viên HĐQT, Trưởng BKS là : 1.500.000đ/người/tháng
- Mức thù lao đối với Thành viên BKS, thư ký HĐQT là: 1.000.000đ/người/tháng

c) Hoàn thành <80% tiến độ và các chỉ tiêu kế hoạch của dự án:

- Mức thù lao đối với Chủ tịch kiêm nhiệm là: 1.500.000đ/người/tháng
- Mức thù lao đối với Thành viên HĐQT, Trưởng BKS là : 1.000.000đ/người/tháng
- Mức thù lao đối với Thành viên BKS, thư ký HĐQT là: 500.000đ/người/tháng

d) Khi dự án hoàn thành vượt tiến độ và các chỉ tiêu kế hoạch: Công ty sẽ trình Đại hội cổ đông phương án chi trả bổ xung mức thù lao trong năm và có kế hoạch khen thưởng cho Ban lãnh đạo Công ty.

Ghi chú:

- Điều kiện hưởng thù lao: Hoàn thành nhiệm vụ được giao.
- Phương thức thanh toán thù lao:
 - + Thù lao HĐQT, Ban kiểm soát, thư ký HĐQT được trả theo quý và hạch toán vào chi phí quản lý Công ty.
 - + Cuối năm căn cứ vào tỷ lệ hoàn thành kế hoạch tiến độ của dự án và các chỉ tiêu kế hoạch trong năm của Công ty để quyết toán mức chi trả thù lao cả năm.

Biểu quyết nhất trí thông qua với cổ phần, đạt% số cổ phần có quyền biểu quyết tại Đại hội.

Điều 6: Thông qua báo cáo hoạt động và thẩm định của Ban kiểm soát về công tác quản lý Công ty của HĐQT và Tổng giám đốc Công ty năm 2019.

Biểu quyết nhất trí thông qua với cổ phần, đạt% số cổ phần có quyền biểu quyết tại Đại hội.

Điều 7: Thông qua báo cáo tình hình tổ chức nhân sự thuộc thẩm quyền ĐHCĐ nhiệm kỳ (2015-2020).

Biểu quyết nhất trí thông qua với cổ phần, đạt% số cổ phần có quyền biểu quyết tại Đại hội.

Điều 8: Ủy quyền cho HĐQT phê duyệt các nội dung:

- Lựa chọn Công ty kiểm toán năm 2020.

Biểu quyết nhất trí thông qua với.....cổ phần, đạt.....% số cổ phần có quyền biểu quyết tại Đại hội.

